

Bản án số: 313/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Hảo - Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Quận 7.

2/ Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Phó Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngọc H, sinh năm 1979.

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Hòa B, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: đường S, Tổ A, khu phố D, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngọc H và ông Trịnh Hòa B là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 8 năm 2008.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bà cũng không có hạnh phúc, ông B không chăm lo cho gia đình, không chia sẻ công việc, kinh tế với vợ và hiện nay

đang phải thụ án. Cuộc sống từ khi vắng ông B đến nay thì bản thân bà phải lo chăm sóc, nuôi con ăn học, không còn sức để nghĩ đến hạnh phúc cá nhân. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Ngọc Khánh T, sinh ngày 09/9/2011. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn - Ông Trịnh Hòa B vắng mặt nhưng có văn bản trình bày như sau:

Trong quá trình chung sống vợ chồng không mâu thuẫn gì, tuy nhiên do ông đang chấp hành án nên không thể chăm sóc, lo lắng cho gia đình được nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Ngọc Khánh T, sinh ngày 09/9/2011. Sau khi ly hôn, ông B đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi con và ông B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng dân sự:

[2] Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông B; địa chỉ: đường S, Tổ A, khu phố D, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu được ly hôn với ông B và bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông B là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2008 ngày 08/8/2008 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà H trình bày thì trong thời gian chung sống vợ chồng bà cũng không có hạnh phúc, ông B không chăm lo cho gia đình, không chia sẻ công việc, kinh tế với vợ và hiện ông B cũng đang phải chấp hành án. Cuộc sống từ khi vắng ông B đến nay thì bản thân bà phải lo chăm sóc, nuôi con ăn học, không còn sức để nghĩ đến hạnh phúc cá nhân. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông B, mục đích hôn nhân cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống.

[8] Theo ông B trình bày thì ông đang chấp hành án nên không thể chăm sóc, lo lắng cho gia đình được nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

[9] Như vậy, bà H và ông B không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và không mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[10] Về con chung: Bà H và ông B có 01 con chung tên Trịnh Ngọc Khánh T, sinh ngày 09/9/2011 theo Giấy khai sinh số 322/2011, quyển số 02/2011 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy trẻ T đang sống cùng với bà H và trẻ có bản tự khai trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ, đồng thời ông B cũng đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi sau khi ly hôn. Do đó, việc tiếp tục giao con chung cho bà H được trực tiếp nuôi là cần thiết, đảm bảo ổn định tâm lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[11] Về cấp dưỡng: Bà H tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[13] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 208, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngọc H được ly hôn với ông Trịnh Hòa B.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2008 ngày 08/8/2008 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Ngọc Khánh T, sinh ngày 09/9/2011 cho bà H được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Bà H không yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015443 ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Vân Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương